



CHƯƠNG 7

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

(DOCUMENTARY CREDIT)

Mục tiêu chương 7

- Phân tích rủi ro của các bên tham gia vào phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.
- Nhận diện rủi ro và lựa chọn cách thức phòng ngừa rủi ro phù hợp cho tình huống thanh toán tín dụng chứng từ cụ thể.
- Diễn giải toàn bộ quy trình của phương thức tín dụng chứng từ.
- Liên hệ và thực hành các kiến thức chuyên sâu về phương thức tín dụng chứng từ vào các tình huống cụ thể.
- Đọc hiểu và kiểm tra tính chính xác của L/C trong phương thức tín dụng chứng từ.
- Giải thích, vận dụng và phân tích được các quy định trong luật quốc tế và các quy tắc tập quán quốc tế thuộc lĩnh vực thanh toán quốc tế như UCP 600.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

NỘI DUNG

- Cở sở pháp lý.
- Khái niệm.
- Các bên tham gia.
- Quy trình thực hiện.
- Thư tín dụng (Letter of Credit – L/C).
- Trách nhiệm, quyền hạn của các bên tham gia L/C.
- Vận dụng phương thức tín dụng chứng từ: nghiệp vụ tín dụng chứng từ hàng nhập và hàng xuất.
- Các loại thư tín dụng đặc biệt
- Nhận xét phương thức tín dụng chứng từ.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Cơ sở pháp lý

1. Quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ
(*Uniform Customs and Practice for Documentary Credits – UCP hoặc UCP/DC*) do ICC ban hành.

- 1933: ban hành lần đầu với phiên bản UCP 82.
- 1951: sửa đổi với phiên bản UCP 151.
- 1962: sửa đổi với phiên bản UCP 222.
- 1974: sửa đổi với phiên bản UCP 290.
- 1983: sửa đổi với phiên bản UCP 400.
- 1993: sửa đổi với phiên bản UCP 500.
- 10/2006: sửa đổi với phiên bản **UCP 600**, là phiên bản mới nhất, có hiệu lực từ ngày **01/07/2007**, sử dụng phổ biến hiện nay, gồm có **39 điều khoản**.
- UCP là văn bản pháp lý tùy ý, hiệu lực pháp lý dưới luật quốc gia.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Cơ sở pháp lý

2. Tập quán ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế trong kiểm tra chứng từ theo tín dụng chứng từ (*International Standard Banking Practice for Examination of Documents under Documentary Credits – ISBP*) do ICC ban hành.

- 2002 : ban hành ISBP 645 sử dụng kèm theo UCP 500.
- 2007 : sửa đổi thành ISBP 681 kèm theo UCP 600.
- 2013 : sửa đổi thành ISBP 745 kèm theo UCP 600. **Đây là phiên bản ISBP mới nhất, sử dụng phổ biến hiện nay.**

Lưu ý: ISBP là văn bản pháp lý tùy ý, sử dụng kèm UCP.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Cơ sở pháp lý

3. Quy tắc và thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ điện tử (*Uniform Customs and Practice for Documentary Credits for Electronic Presentation – eUCP*) do ICC ban hành.

- 2002: ban hành eUCP phiên bản 1.0 hỗ trợ và sử dụng kèm theo UCP 500.
- 2007: sửa đổi thành **eUCP phiên bản 1.1 hỗ trợ và sử dụng kèm theo UCP 600, có hiệu lực từ 01/07/2007.**
- eUCP 1.1 gồm 12 điều khoản liên quan đến việc xuất trình chứng từ điện tử trong phương thức tín dụng chứng từ.
- eUCP là văn bản pháp lý tùy ý, hiệu lực pháp lý dưới luật quốc gia.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Cơ sở pháp lý

4. Quy tắc thống nhất về hoàn trả liên hàng theo tín dụng chứng từ (*Uniform Rule for Reimbursement under Documentary Credits – URR*) do ICC ban hành.

- 11/1995: ban hành URR 525, có hiệu lực từ 01/07/1996.
- 04/2008: ban hành **URR 725, có hiệu lực từ 01/10/2008, sử dụng phổ biến hiện nay.**
- URR 725 gồm 17 điều khoản, trình bày các quy tắc trong thanh toán giúp ngân hàng của nhà xuất khẩu đòi tiền ngân hàng thứ ba (khác ngân hàng của nhà nhập khẩu – ngân hàng phát hành) an toàn và nhanh chóng.
- URR là văn bản pháp lý tùy ý, hiệu lực pháp lý dưới luật quốc gia.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Khái niệm

- Tên thường gọi: “*Documentary Credit (DC) – Tín dụng chứng từ*”; “*Letter of Credit (L/C) – Thư tín dụng hoặc Tín dụng thư*”; “*Credit – Tín dụng*”.
- Theo điều 2 “Các định nghĩa” của UCP 600 :

Thư Tín dụng là một thỏa thuận bất kỳ, dù được mô tả hay gọi tên như thế nào, thể hiện một cam kết chắc chắn và không hủy ngang của ngân hàng phát hành về việc thanh toán cho bộ chứng từ xuất trình phù hợp.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Khái niệm

- Trong đó, “*thanh toán*” (theo điều 2 UCP 600) nghĩa là:
 - Trả tiền ngay, nếu tín dụng có giá trị *thanh toán ngay* (*sight payment / pay at sight*).
 - Cam kết trả chậm và trả tiền khi đến hạn, nếu tín dụng có giá trị *thanh toán trả chậm* (*deferred payment*).
 - Chấp nhận hối phiếu do người thụ hưởng ký phát và trả tiền hối phiếu khi đến hạn, nếu tín dụng có giá trị *thanh toán bằng chấp nhận* (*acceptance*).

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Khái niệm

Phương thức thanh toán “*Tín dụng chứng từ*” là phương thức thanh toán mà trong đó, ngân hàng sẽ phát hành một **cam kết bằng văn bản** cho người thụ hưởng theo yêu cầu của người đề nghị lập cam kết để trả ngay hoặc trả tại một thời điểm xác định trong tương lai một số tiền nhất định với điều kiện người thụ hưởng phải **xuất trình bộ chứng từ phù hợp với cam kết**.

- Văn bản cam kết này gọi là **thư tín dụng (Letter of Credit – L/C)**.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Các bên tham gia

- Người yêu cầu mở L/C (The applicant for the credit)
- Người thụ hưởng(The Beneficiary)
- Ngân hàng phát hành (The Issuing bank or Opening bank)
- Ngân hàng thông báo (The advising bank)
- Ngân hàng xác nhận (The confirming bank)
- Ngân hàng được chỉ định (Nominated bank)
- Ngân hàng hoàn tiền (Reimbursing Bank):

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Các bên tham gia

- **Người đề nghị / yêu cầu (Applicant):** là người yêu cầu ngân hàng mở / phát hành thư tín dụng, là *nhà nhập khẩu*.
- **Người thụ hưởng (Beneficiary):** là người hưởng lợi thư tín dụng, nhận được cam kết thanh toán có điều kiện của ngân hàng phát hành thư tín dụng. là *nhà xuất khẩu*.
- **Ngân hàng phát hành (Issuing Bank):** là ngân hàng phát hành thư tín dụng theo đề nghị của người yêu cầu, thường là *ngân hàng phục vụ nhà nhập khẩu*.
- **Ngân hàng thông báo (Advising Bank):** là ngân hàng thông báo thư tín dụng cho người thụ hưởng theo yêu cầu của ngân hàng phát hành, thường là chi nhánh hay đại lý của ngân hàng phát hành tại nước xuất khẩu và có thể là *ngân hàng phục vụ nhà xuất khẩu*.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Các bên tham gia

- **Ngân hàng được chỉ định (Nominated Bank):** là ngân hàng mà thư tín dụng có giá trị thanh toán, chấp nhận hay thương lượng (thể hiện tại trường 41 của thư tín dụng), gồm :
 - + *Ngân hàng thanh toán (Paying Bank)*
 - + *Ngân hàng chấp nhận (Accepting Bank)*
 - + *Ngân hàng cam kết trả chậm (Deferred Undertaking Bank)*
 - + *Ngân hàng thương lượng / chiết khấu (Negotiating Bank)*
- **Ngân hàng xác nhận (Confirming bank):** là ngân hàng, do ngân hàng phát hành chỉ định, xác nhận cam kết thanh toán không huỷ ngang cho người thụ hưởng thư tín dụng.
- **Ngân hàng hoàn tiền (Reimbursing Bank):** là ngân hàng giữ tài khoản của ngân hàng phát hành, thực hiện theo lệnh của ngân hàng phát hành để chuyển tiền thanh toán cho ngân hàng được chỉ định. Nghiệp vụ hoàn tiền tuân theo các quy định của URR do ICC ban hành.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Quy trình



PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Quy trình

Bước 1: Nhà XK và Nhà NK ký kết hợp đồng xuất nhập khẩu.

Bước 2: Người nhập khẩu đến NH đề nghị phát hành thư tín dụng.

Bước 3: NH phát hành L/C, gửi L/C đến NH thông báo để thông báo cho người thụ hưởng

Bước 4: NH thông báo thông báo thư tín dụng cho người thụ hưởng.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Quy trình

Bước 5: Người xuất khẩu giao hàng.

Bước 6: Người xuất khẩu xuất trình chứng từ đến NH nước xuất khẩu đề nghị gửi đến NH phát hành yêu cầu thanh toán.

Bước 7: NH xuất khẩu xuất trình chứng từ đến NH phát hành đề nghị thanh toán.

Bước 8: NH phát hành kiểm tra bộ chứng từ: a/ phù hợp: thanh toán; b// không phù hợp: từ chối thanh toán.

PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Quy trình

Bước 9: Ngân hàng xuất khẩu tương ứng a/ ghi có ; b/ thông báo từ chối thanh toán bộ chứng từ bất hợp lệ.

Bước 10: Ngân hàng phát hành yêu cầu: a. Nhập khẩu thanh toán bồi hoàn và nhận chứng từ; b: cho chỉ thị đối với bộ chứng từ bất hợp lệ.

Bước 11: Người nhập khẩu a. thanh toán bồi hoàn, nhận chứng từ và đi nhận hàng; b. cho chỉ thị đối với chứng từ có bất hợp lệ.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Khái niệm

Thư tín dụng (Letter of credit – L/C) là một văn bản **cam kết thanh toán** của ngân hàng phát hành thư tín dụng đối với người thụ hưởng với điều kiện người thụ hưởng xuất trình **bộ chứng từ phù hợp** với yêu cầu của thư tín dụng.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Tính chất

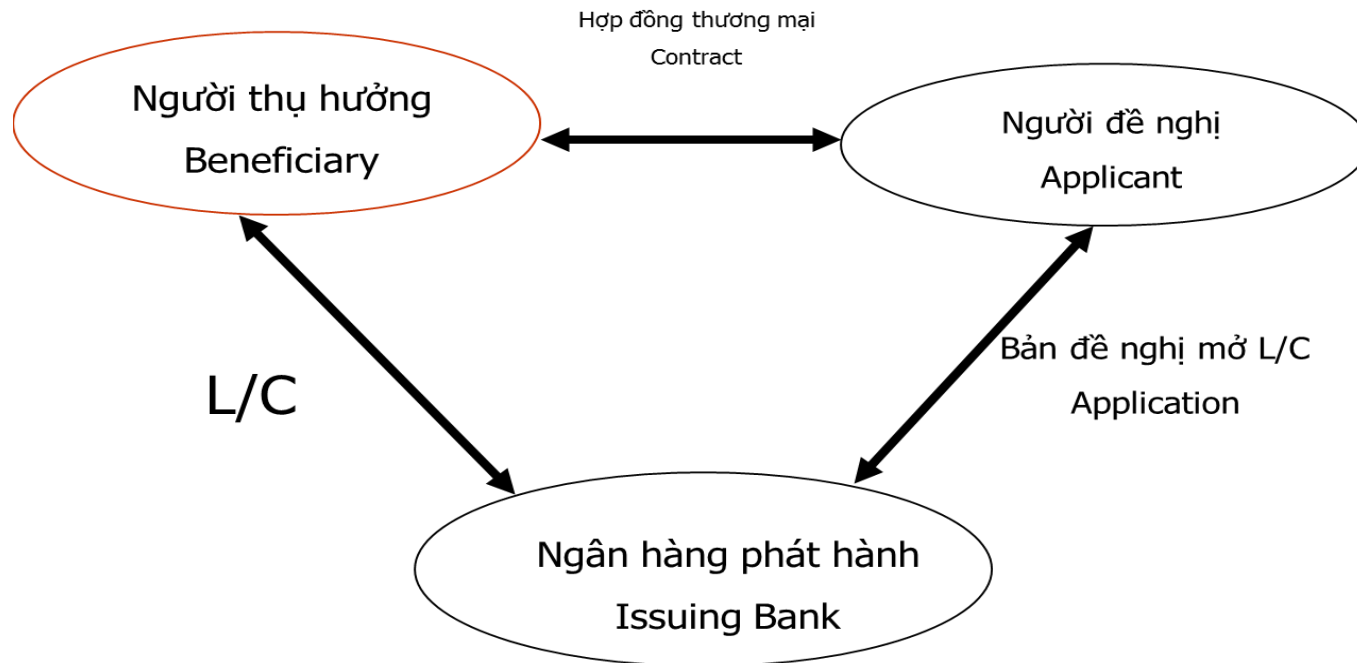
- L/C được hình thành trên cơ sở của hợp đồng ngoại thương và đơn đề nghị mở L/C của người yêu cầu.
- L/C là một hợp đồng kinh tế độc lập giữa ngân hàng phát hành và người thụ hưởng.
- Tính độc lập của L/C được thể hiện trong Điều 4 và Điều 5 của UCP 600, cụ thể :
 - + L/C độc lập hoàn toàn với hợp đồng ngoại thương (và đơn đề nghị mở L/C).
 - + L/C không liên quan đến hàng hóa thực tế, tức là ngân hàng phát hành không cần quan tâm đến hàng hóa thực tế.
 - + Nguyên tắc của L/C: ngân hàng phát hành và người thụ hưởng chỉ giao dịch trên cơ sở chứng từ.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Tính chất

- **Thư tín dụng độc lập với hợp đồng thương mại**

Thư tín dụng là thỏa thuận giữa ngân hàng phát hành và người thụ hưởng. Nhà nhập khẩu không được can thiệp vào mối quan hệ giữa ngân hàng phát hành và người thụ hưởng.



THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Tính chất

- **Ngân hàng không liên quan đến hàng hóa:**

Ngân hàng không chịu trách nhiệm về hàng hóa được giao. Mọi tranh chấp về hàng hóa sẽ được người bán (người thụ hưởng) và người mua (người đề nghị mở thư tín dụng) xử lý dựa trên các điều khoản được quy định trong hợp đồng thương mại.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Tính chất

- **Ngân hàng chỉ giao dịch trên cơ sở chứng từ**
 - *Một là*, có nghĩa là các yêu cầu của NH đối với người thụ hưởng phải được thể hiện bằng một nội dung cụ thể trên một chứng từ cụ thể.
 - *Hai là*, người thụ hưởng muốn nhận được sự thanh toán của NH, họ phải xuất trình bộ chứng từ phù hợp với các quy định trong thư tín dụng.
 - *Ba là*, ngân hàng phát hành và các NH chỉ định (nếu có) có trách nhiệm kiểm tra bộ chứng từ.
 - *Bốn là*, nếu NH phát hành không phát hiện ra hành vi lừa đảo khi kiểm tra chứng từ, NH sẽ miễn trừ trách nhiệm. Nói cách khác, người chịu rủi ro về hành vi gian lận, lừa đảo của người thụ hưởng là người đề nghị mở thư tín dụng (người mua); bởi vì, suy cho cùng, người mua đã chọn người bán để giao dịch.
 - *Năm là*, người mua có thể sử dụng thư tín dụng để chỉnh sửa những khiếm khuyết trong hợp đồng thương mại

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

- Nội dung L/C không bị bó buộc phải tuân theo một chuẩn mực nào cả. Tuy nhiên, một số nội dung chính phải được thể hiện trong L/C.
- Ngôn ngữ của L/C thường chủ yếu bằng tiếng Anh.
- L/C có thể được soạn thảo và gửi đi theo ba cách: bằng thư, bằng Telex hoặc bằng SWIFT.
- L/C được soạn thảo và gửi bằng SWIFT được sử dụng phổ biến nhất hiện nay.
- Thư tín dụng chủ yếu được thể hiện trong mẫu điện **MT700, MT 701.**

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Các nội dung chính của thư tín dụng

- Loại L/C, phiên bản UCP được áp dụng, số hiệu L/C, ngày phát hành L/C: *trường 40A, 40E, 20, 31C.*
- Ngày hết hạn L/C (thời hạn hiệu lực của L/C) và nơi hết hạn (nơi xuất trình L/C và bộ chứng từ): *trường 31D.*
- Các bên liên quan đến L/C (người yêu cầu, người thụ hưởng, các ngân hàng liên quan) : *Sender, Receiver, trường 51A, 50, 59, 41A, 49, 53A, 57.*
- Số tiền của L/C: *trường 32B, 39A, 39B, 39C.*
- Thời hạn trả tiền: *trường 42C, 42A, 42M, 42P.*
- Các nội dung về vận tải: *trường 43P, 43T, 44A, 44E, 44F, 44B.*
- Thời hạn giao hàng: *trường 44C, 44D.*

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Các nội dung chính của thư tín dụng

- Các nội dung về hàng hóa (tên hàng, số lượng, chất lượng, quy cách, đơn giá, điều kiện Incoterm, ký mã hiệu...): **trường 45A.**
- Các chứng từ phải xuất trình (số lượng, chủng loại, người phát hành, nội dung chứng từ, ...): **trường 46A.**
- Các điều kiện đặc biệt khác: **trường 47A.**
- Thời hạn xuất trình chứng từ: **trường 48.**
- Quy định người trả các loại chi phí: **trường 71B.**
- Các thông tin của ngân hàng phát hành dành cho các ngân hàng liên quan: **trường 78, 72.**

Các mẫu điện SWIFT áp dụng trong tín dụng chứng từ

STT	Mẫu điện	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1	MT 700 MT 701	Issue of a DC -Documentary Credit	Phát hành L/C
2	MT 707 MT 799	Amendment to a DC	Tu chỉnh L/C
3	MT 720 MT 721	Transfer of a DC	L/C được chuyển nhượng
4	MT 730	Acknowledgement	Thông báo L/C
5	MT 734	Advice of Refusal	TB từ chối thanh toán
6	MT 740	Authorisation to Reimburse	Ủy quyền hoàn tiền
7	MT 742	Reimbursement Claim	Yêu cầu hoàn tiền
8	MT 750	Advice of Discrepancy	TB bộ chứng từ không phù hợp
9	MT 756	Advice of Reimbursement or Payment	TB hoàn tiền hoặc thanh toán

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

Sender: người gửi thư tín dụng

Là ngân hàng phát hành thư tín dụng –ngân hàng cam kết thanh toán cho người thụ hưởng theo đề nghị của người xin mở thư tín dụng.

Receiver: người nhận thư tín dụng

Là ngân hàng thông báo thư tín dụng. Trách nhiệm của ngân hàng này là tiếp nhận và thông báo thư tín dụng cho người thụ hưởng.

27: Sequence of Total: Số thứ tự bức điện trên tổng số bức điện: nếu nội dung thư tín dụng được thể hiện trong một bức điện (MT 700) thì nội dung ghi 1/1

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

40A: *Form of Documentary Credit*: loại thư tín dụng

Nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng, ngân hàng thường cung ứng các loại tín dụng chứng từ như: Hủy ngang (Revocable), không hủy ngang (Irrevocable), chuyển nhượng (Transferable), dự phòng (Standby). Hiện nay phổ biến nhất là thư tín dụng không hủy ngang (Irrevocable).

40E: *Applicable rules*: Ấn bản UCP được áp dụng trong thư tín dụng

20: *Documentary Credit number*: số thư tín dụng

23: *Reference to re-advice*: tham chiếu thông báo sơ bộ

Trong trường hợp ngân hàng phát hành đã gửi một thông báo sơ bộ thư tín dụng thì khi phát hành thư tín dụng, ngân hàng phải ghi số thông báo sơ bộ để các bên liên quan tham chiếu.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

31C: Date of Issue: ngày phát hành thư tín dụng.

Quy ước ghi ngày phát hành của SWIFT là YY/MM/DD

31D: Date and Place of Expiry: ngày và nơi hết hạn thư tín dụng

50: Applicant: người đề nghị mở thư tín dụng

Là nhà nhập khẩu, là người mua hàng đứng trên hợp đồng ngoại thương

59: Beneficiary: người thụ hưởng

Là nhà xuất khẩu, là người bán hàng có tên trong hợp đồng ngoại thương

32B: Currency Code, Amount: giá trị thư tín dụng và đơn vị tiền tệ

39A: Precentage Credit Amount Tolerance: tỷ lệ phần trăm cho phép thay đổi giá trị thư tín dụng

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

39B: Maximum Credit Amount: giá trị tối đa của thư tín dụng

39C: Additional Amounts Covered: số tiền được thanh toán

41A: Available With ... By ...: thư tín dụng có hiệu lực...tại...

AVAILABLE WITH....BY.....: ANY BANK BY

NEGOTIATION: nghĩa là thư tín dụng có thể thương lượng tại bất cứ ngân hàng nào

42C: Drafts at : kỳ hạn thanh toán của hối phiếu

42A: Drawee: người bị ký phát

Là người phải trả tiền hối phiếu. Người bị ký phát là ngân hàng phát hành hoặc ngân hàng được chỉ định.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

43P: *Partial Shipments*: giao hàng từng phần

Cho phép hoặc không cho phép

Nếu giao hàng từng phần không cho phép, ngân hàng không chấp nhận bộ chứng từ xuất trình có giá trị nhỏ hơn giá trị thư tín dụng; và ngược lại trong trường hợp cho phép giao hàng từng phần, ngân hàng có nghĩa vụ thanh toán bộ chứng từ phù hợp có giá trị nhỏ hơn giá trị thư tín dụng.

43T: *Transshipment*: chuyển tải

Là việc thay đổi phương tiện vận chuyển, chuyển tải có thể gây rủi ro trong quá trình vận chuyển hàng hóa. Trên thư tín dụng, chuyển tải thể hiện hai nội dung: cho phép và không cho phép. Trong trường hợp không cho phép, ngân hàng sẽ chấp nhận chứng từ vận tải thể hiện nội dung chuyển tải miễn là các nội dung này thể hiện trong cùng một chứng từ vận tải (theo khoản c.i, Điều 20, UCP 600).

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

44A: Place of Taking in Charge/Dispatch from .../ Place of Receipt: nơi giao hàng lên tàu/ nơi gửi hàng

44B: Place of Final Destination/For Transportation to.../ Place of Delivery: nơi hàng đến

44C: Latest Date of Shipment: ngày giao hàng cuối cùng

44D: Shipment Period: thời hạn giao hàng

45A: Description of Goods and/or Services: mô tả hàng hóa/ dịch vụ

- + COMMODITY: quy định tên hàng hóa
- + TOTAL QUANTITY: tổng trọng lượng
- + TOTAL AMOUNT: tổng giá trị
- + QUALITY: chất lượng
- + UNIT PRICE: đơn giá
- + INCOTERM: điều kiện thương mại

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

46A: Documents Required: bộ chứng từ được yêu cầu

Điều khoản này quy định số lượng, chủng loại, người phát hành, nội dung chi tiết chứng từ mà người thụ hưởng phải xuất trình để được thanh toán.

47A: Additional Conditions: điều kiện khác

Ngân hàng yêu cầu làm rõ các yêu cầu về bộ chứng từ như: phải ghi số thư tín dụng trên tất cả chứng từ, chứng từ phải lập bằng tiếng Anh...hoặc làm rõ đặc trưng của thư tín dụng như điều khoản đỏ, điều khoản tuần hoàn...

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

71B: Charges: Phí

Ngân hàng phát hành quy định người có nghĩa vụ thanh toán phí ngân hàng phát sinh bên ngoài quốc gia phát hành thư tín dụng khi thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thư tín dụng như phí thông báo, xác nhận, tu chỉnh, chiết khấu...

48: Period for Presentation: thời hạn xuất trình chứng từ

Đây là thời hạn tối đa mà người thụ hưởng phải nộp chứng từ vào ngân hàng được chỉ định, nếu xuất trình quá hạn, bộ chứng từ được xem là không phù hợp.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

49: Confirmation Instructions: chỉ thị xác nhận

Ngân hàng phát hành hướng dẫn việc xác nhận thư tín dụng. Theo đề nghị của người xin mở thư tín dụng, ngân hàng phát hành có thể cho phép hoặc không cho phép một ngân hàng khác xác nhận thư tín dụng. Nếu cho phép xác nhận, ngân hàng phát hành đồng ý một ngân hàng khác cam kết thanh toán cho người thụ hưởng khi họ xuất trình bộ chứng từ phù hợp.

53A: Reimbursing Bank: ngân hàng hoàn tiền

Là ngân hàng giữ tài khoản của ngân hàng phát hành được phép chuyển tiền cho người thụ hưởng thông qua ngân hàng được chỉ định.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 700– Issue of a Documentary Credit

78: *Instructions to the Paying/Accepting/Negotiating Bank:* hướng dẫn ngân hàng thanh toán/ ngân hàng chấp nhận/ ngân hàng thương lượng

Ngân hàng phát hành chỉ thị các ngân hàng được chỉ định thanh toán/chấp nhận/thương lượng cách xử lý bộ chứng từ được xuất trình cũng như hướng dẫn cách thanh toán bộ chứng từ phù hợp.

57A: “*Advise Through*” Bank: ngân hàng thông báo khác

72: *Sender to Receiver Information:* thông tin dành cho người nhận thư tín dụng

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Nội dung

Nội dung mẫu điện MT 701– Issue of a Documentary Credit

Tùy theo nội dung, đặc tính của từng điều khoản được thể hiện trong thư tín dụng mà số lượng ký tự trong từng trường tương ứng trong mẫu MT 700 khác nhau. Trong trường hợp nội dung của điều khoản vượt quá số ký tự cho phép của trường tương ứng, ngân hàng phát hành phải sử dụng mẫu điện MT701.

MT701 bổ sung các điều khoản liên quan đến hàng hóa/dịch vụ, bộ chứng từ và điều khoản khác

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Phân loại

Dựa vào tính đảm bảo trong thanh toán

- **Thư tín dụng không thể huỷ ngang (Irrevocable letter of Credit):**

Là loại L/C sau khi đã được mở ra và người xuất khẩu thừa nhận thì ngân hàng không được sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ trong thời hạn hiệu lực của nó nếu không có sự đồng ý của bên liên quan

- Trên L/C phải ghi rõ chữ “Irrevocable L/C” hoặc không ghi gì thì được coi là L/C không thể huỷ bỏ.
- L/C không thể huỷ ngang đảm bảo quyền lợi cho các bên liên quan nên được sử dụng rộng rãi.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Phân loại

Dựa vào tính đảm bảo trong thanh toán

- **Thư tín dụng không thể huỷ ngang có xác nhận (Confirmed Irrevocable letter of Credit):** được ứng dụng trong các trường hợp sau:
 - Người thụ hưởng thiếu thông tin về ngân hàng phát hành;
 - Ngân hàng phát hành không phải là thương hiệu uy tín hoặc có thực trạng tài chính tốt;
 - Rủi ro quốc gia của ngân hàng phát hành cao;
 - Hàng hóa quan trọng: với hàng hóa hoặc giao dịch có vai trò đặc biệt quan trọng với nhà xuất khẩu, họ nên đề nghị một thư tín dụng có xác nhận nhằm giảm rủi ro thanh toán.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Phân loại

Dựa vào thời hạn thanh toán

- **Thư tín dụng trả ngay (Sight Letter of Credit)**
- **Thư tín dụng trả chậm (Deferred/ Usance Letter of Credit)**

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Phân loại

Dựa vào nơi xuất hành chứng từ

- **Thư tín dụng có thể thương lượng (Negotiable Letter of Credit):** Là L/C mà ngân hàng phát hành cho phép người thụ hưởng được thương lượng bộ chứng từ tại ngân hàng thương lượng do ngân hàng phát hành chỉ định.
 - Ngân hàng thương lượng có thể được chỉ định đích danh hoặc vô danh tại trường 41A của L/C: *“Available with Bank ABC / any bank by negotiation”*.
 - Loại L/C này được sử dụng phổ biến trong thực tế do mang lại nhiều thuận lợi cho người thụ hưởng.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Phân loại

Dựa vào nơi xuất hành chứng từ

- **Thư tín dụng có giá trị trực tiếp (Straight Letter of Credit):** Là L/C mà ngân hàng phát hành yêu cầu người thụ hưởng chỉ được phép xuất trình chứng từ tại ngân hàng phát hành mà thôi.
 - Nếu bộ chứng từ hoàn hảo, ngân hàng phát hành sẽ thanh toán thẳng cho người thụ hưởng thông qua ngân hàng chuyển chứng từ.
 - L/C này không cho phép thương lượng bộ chứng từ. Nếu người thụ hưởng muốn thương lượng thì cần thỏa thuận riêng với ngân hàng chuyển chứng từ, không liên quan L/C.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Trách nhiệm của người yêu cầu mở L/C(Applicant)

- Có nghĩa vụ yêu cầu mở L/C: gửi bộ hồ sơ xin mở L/C cho ngân hàng phát hành.
- Có nghĩa vụ đáp ứng các yêu cầu của ngân hàng phát hành để mở L/C: ký quỹ.
- Có quyền đề nghị ngân hàng phát hành tu chỉnh hoặc hủy bỏ L/C.
- Có quyền kiểm tra bộ chứng từ có phù hợp L/C và đơn xin mở L/C không.
 - + *Bộ chứng từ phù hợp (hợp lệ)*: nhận bộ chứng từ và có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng phát hành.
 - + *Bộ chứng từ không phù hợp (bất hợp lệ)*: không nhận bộ chứng từ và có quyền từ chối thanh toán.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Trách nhiệm của người thụ hưởng L/C (Beneficiary)

- Có quyền yêu cầu xác nhận L/C nếu không tin tưởng ngân hàng phát hành.
- Có quyền kiểm tra nội dung L/C khi nhận L/C.
 - + Đồng ý: thực hiện nghĩa vụ giao hàng.
 - + Không đồng ý: có quyền đề nghị tu chỉnh L/C hoặc hủy bỏ L/C thông qua người yêu cầu.
- Có quyền chấp nhận hoặc từ chối các tu chỉnh L/C của ngân hàng phát hành (*xem điều 10 UCP 600*).
- Có nghĩa vụ lập bộ chứng từ theo L/C và xuất trình đến ngân hàng được quy định theo L/C để được thanh toán.
 - + *Bộ chứng từ phù hợp (hợp lệ)*: được thanh toán.
 - + *Bộ chứng từ không phù hợp (bất hợp lệ)*: có ý kiến xử lý bộ chứng từ.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Trách nhiệm ngân hàng phát hành L/C (Issuing Bank)

- Trách nhiệm của ngân hàng phát hành L/C được quy định tại *điều 7 UCP 600*.
- Nhận và thẩm định hồ sơ mở L/C.
- Nếu chấp nhận hồ sơ thì thực hiện nghĩa vụ phát hành L/C tức cam kết thanh toán không huỷ ngang cho người thụ hưởng trong thời hạn hiệu lực của L/C.
- Tu chỉnh L/C theo đề nghị của người yêu cầu.
- Nhận và kiểm tra bộ chứng từ có phù hợp với quy định L/C không (xem *Điều 14 UCP 600*).
 - + *Phù hợp (hợp lệ)*: thanh toán hoặc hoàn trả.
 - + *Không phù hợp (bất hợp lệ)*: xử lý bộ chứng từ (xem thêm *Điều 16 UCP 600*).

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Trách nhiệm của ngân hàng thông báo L/C (Advising Bank)

- Trách nhiệm của ngân hàng thông báo L/C được quy định tại *Điều 9 UCP 600*.
- Có quyền từ chối thông báo L/C khi được chỉ định và cần thông báo ngay việc từ chối cho ngân hàng đã gửi L/C đến.
- Có quyền sử dụng dịch vụ ngân hàng khác để thông báo L/C
- Có trách nhiệm kiểm tra *tính chân thật của L/C*.
- Ngân hàng thông báo nhận thông báo L/C thì cũng phải nhận thông báo các tu chỉnh của L/C (nếu có).
- Ngân hàng thông báo phải gửi nguyên văn L/C nhận được cho người thụ hưởng và không có trách nhiệm kiểm tra nội dung L/C.
- Không có trách nhiệm về việc thanh toán hay thương lượng thanh toán.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Trách nhiệm của ngân hàng xác nhận L/C (Confirming Bank)

- Trách nhiệm của ngân hàng xác nhận L/C được quy định tại *Điều 8 UCP 600*.
- Có quyền từ chối xác nhận L/C và phải thông báo việc từ chối cho ngân hàng phát hành ngay.
- Đồng ý cam kết thanh toán không huỷ ngang cho người thụ hưởng trong thời hạn hiệu lực của L/C khi xác nhận L/C.
- Có quyền xác nhận hoặc không xác nhận một hoặc vài tu chỉnh L/C trong các bản tu chỉnh L/C (nếu có).
- Tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ có phù hợp với quy định L/C không.
 - + *Phù hợp (hợp lệ)*: thanh toán, chiết khấu miễn truy đòi cho người thụ hưởng hoặc hoàn trả cho ngân hàng được chỉ định, sau đó chuyển bộ chứng từ cho ngân hàng phát hành.
 - + *Không phù hợp (bất hợp lệ)*: xử lý bộ chứng từ.

THƯ TÍN DỤNG (LETTER OF CREDIT)

Trách nhiệm của ngân hàng được chỉ định (Nominated Bank)

- Trách nhiệm của ngân hàng được chỉ định được quy định tại *Điều 12 UCP 600*.
- Không bị ràng buộc phải thực hiện trách nhiệm được chỉ định trừ khi thông báo sự đồng ý rõ ràng đến người thụ hưởng.
- Việc tiếp nhận, kiểm tra và gửi chứng từ của ngân hàng được chỉ định không ràng buộc trách nhiệm là ngân hàng sẽ thanh toán hoặc thương lượng thanh toán.
- Nếu đồng ý sự chỉ định, ngân hàng được chỉ định tiếp nhận và kiểm tra bộ chứng từ có phù hợp với quy định L/C không.
 - + *Phù hợp (hợp lệ)*: trả ngay, chấp nhận hối phiếu, cam kết trả chậm, chiết khấu có truy đòi và miễn truy đòi, sau đó chuyển bộ chứng từ cho ngân hàng xác nhận hoặc ngân hàng phát hành và đòi tiền theo nghiệp vụ hoàn tiền (URR 725).
 - + *Không phù hợp (bất hợp lệ)*: xử lý bộ chứng từ.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

NỘI DUNG

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

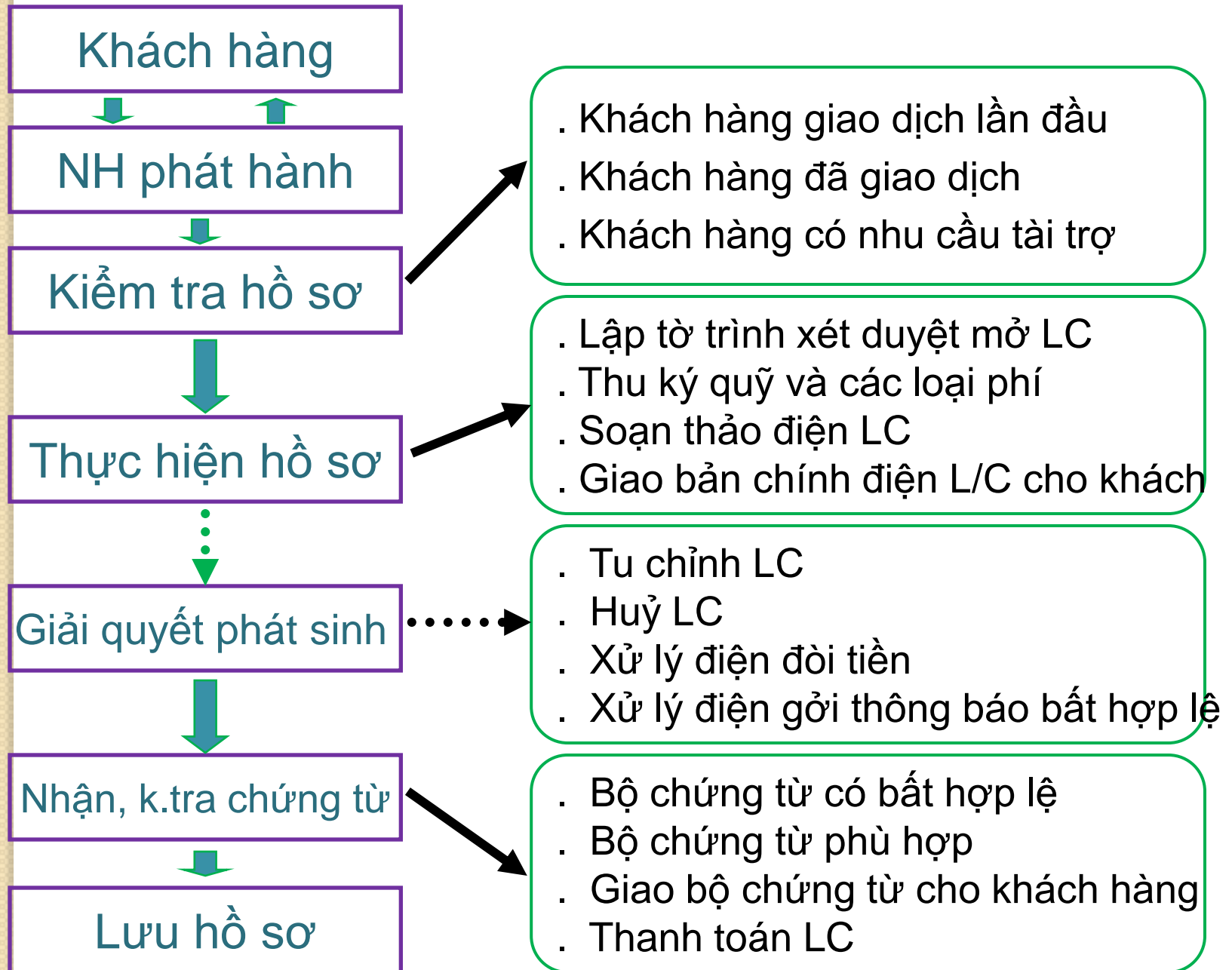
NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Ngân hàng thương mại chia phương thức tín dụng chứng từ thành hai nghiệp vụ:

- **Nghiệp vụ tín dụng chứng từ hàng nhập (Import Documentary Credit):** được thực hiện khi khách hàng của ngân hàng là *người yêu cầu (nhà nhập khẩu)*. Ngân hàng đóng vai trò là *ngân hàng phát hành (Issuing Bank)*.
- **Nghiệp vụ tín dụng chứng từ hàng xuất (Export Documentary Credit):** được thực hiện khi khách hàng của ngân hàng là *người thụ hưởng (nhà xuất khẩu)*. Ngân hàng đóng vai trò là *ngân hàng thông báo / xác nhận / được chỉ định (Advising / Confirming / Nominated Bank)*.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP



NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

1/ Tiếp nhận đề nghị mở thư tín dụng

- **Hồ sơ pháp lý:** đây là chứng từ xác nhận tư cách pháp nhân của doanh nghiệp và điều kiện pháp lý cho phép doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa. NH thường yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin này trong lần giao dịch đầu tiên và cập nhật thông tin trong những lần giao dịch sau.
- **Hồ sơ mở thư tín dụng:** gồm: hợp đồng ngoại thương và Giấy phép nhập khẩu (nếu có); Giấy đề nghị mở thư tín dụng (Application).
- **Hồ sơ bảo lãnh thư tín dụng.**

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

2/ Phát hành thư tín dụng

- Sau khi tiếp nhận giấy đề nghị mở thư tín dụng, NH phát hành sẽ thẩm định hồ sơ, nếu chấp thuận họ sẽ soạn thảo và phát hành thư tín dụng.
- Về thời điểm phát sinh nghĩa vụ của NH phát hành, các ấn bản trước của UCP không đề cập. Theo mục b, Điều 7, UCP 600, NH phát hành bị ràng buộc không thể hủy ngang đối với việc thanh toán từ thời điểm NH phát hành thư tín dụng.
- Thư tín dụng được lập dưới dạng văn bản và được chuyển cho NH đại lý để thông báo cho người thụ hưởng. Thư tín dụng có thể được lập dưới dạng hình thức thư tín, telex, hoặc SWIFT. Nếu sử dụng SWIFT, NH sử dụng tập tin MT 700 và MT 701.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

3/ Tu chỉnh thư tín dụng (Amendments)

- Tu chỉnh thư tín dụng là việc sửa đổi hoặc hủy bỏ thư tín dụng đã được phát hành. Tu chỉnh thư tín dụng được quy định trong Điều 10, UCP 600.
- Tu chỉnh việc sửa đổi một hoặc một vài điều khoản trong thư tín dụng do NH phát hành thực hiện. Do vậy, việc tu chỉnh chỉ có giá trị khi được thực hiện trong thời hạn hiệu lực của thư tín dụng.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

3/ Tu chỉnh thư tín dụng (Amendments)

Những vấn đề cần lưu ý:

- Trong thư tín dụng không hủy ngang, tu chỉnh thư tín dụng phải được sự chấp thuận của NH phát hành, người thụ hưởng. Ngoài ra, tu chỉnh thư tín dụng còn được sự chấp thuận của người đề nghị mở thư tín dụng và của NH xác định (nếu có).
- Bản tu chỉnh thư tín dụng khi đã được người thụ hưởng chấp thuận thì nó được xem là một bộ phận của thư tín dụng.
- Người thụ hưởng có thể chấp nhận hoặc từ chối một hoặc một vài bản tu chỉnh.
- NH phát hành sử dụng mẫu điện MT 707 và MT 799 để lập Bản tu chỉnh thư tín dụng.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

4/ Kiểm tra bộ chứng từ

- Thời hạn xuất trình chứng từ
- Thời hạn kiểm tra chứng từ
- Nguyên tắc kiểm tra chứng từ
- Thông báo kết quả kiểm tra chứng từ

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

4/ Kiểm tra bộ chứng từ

- **Nguyên tắc kiểm tra chứng từ**
 - *Một là*, các thông tin trên chứng từ không được mâu thuẫn với dữ liệu trên chính chứng từ đó hoặc với chứng từ khác hoặc với thư tín dụng
 - *Hai là*, kiểm tra chứng từ, NH không được quyền suy đoán
 - *Ba là*, trừ hóa đơn thương mại, việc mô tả hàng hóa/dịch vụ trong các chứng từ khác có thể mô tả chung chung miễn là không mâu thuẫn với mô tả hàng hóa trong thư tín dụng
 - *Bốn là*, trừ chứng từ vận tải, chứng từ bảo hiểm, hóa đơn thương mại; nếu thư tín dụng yêu cầu xuất trình chứng từ mà không quy định người lập chứng từ hoặc nội dung của chứng từ, thì NH sẽ chấp nhận chứng từ như đã xuất trình, nếu nội dung của nó đáp ứng được chức năng của chứng từ.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

4/ Kiểm tra bộ chứng từ

- **Nguyên tắc kiểm tra chứng từ**
 - *Năm là*, ngày của chứng từ có thể trước ngày phát hành thư tín dụng nhưng không được phép sau ngày xuất trình chứng từ
 - *Sáu là*, NH không xem xét và có thể trả lại người xuất trình những chứng từ không được quy định trong thư tín dụng
 - *Bảy là*, nếu một điều kiện trong thư tín dụng không quy định một chứng từ tương thích với điều kiện đó thì NH không xem xét và coi như không có điều kiện đó
 - *Tám là*, người giao hàng hoặc người gửi hàng ghi trên chứng từ không nhất thiết là người thụ hưởng thư tín dụng

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

4/ Kiểm tra bộ chứng từ

- **Nguyên tắc kiểm tra chứng từ**
 - *Chín là*, chứng từ vận tải có thể do bất cứ ai phát hành, không nhất thiết là người chuyên chở, chủ tàu, thuyền trưởng hoặc người thuê tàu; miễn là chứng từ vận tải đó đáp ứng yêu cầu của UCP được quy định trong các điều 19, 20, 21, 22, 23, 24.
 - *Mười là*, địa chỉ của người thụ hưởng và của người yêu cầu mở thư tín dụng thể hiện trong các chứng từ không nhất thiết là giống như các quy định trong thư tín dụng hoặc bất cứ chứng từ nào khác miễn là các địa chỉ đó phải ở trong quốc gia như các địa chỉ tương ứng quy định trong thư tín dụng.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

5/ Thanh toán thư tín dụng

- **Trường hợp thư tín dụng cho phép đòi tiền bằng điện**

Thư tín dụng cho phép đòi tiền bằng điện mang lại nhiều bất lợi cho NH phát hành; bởi vì, ngoài việc phải chuyển tiền thanh toán ngay cho NH được chỉ định sau khi họ xuất trình chứng từ thì NH phát hành cũng gặp khó khăn khi phát hiện bộ chứng từ có lỗi mà NH được chỉ định không nhận biết. Trong tình huống này, họ phải yêu cầu NH được chỉ định bồi hoàn số tiền đã nhận. Do vậy, thư tín dụng được phép đòi tiền bằng điện thường chỉ được áp dụng trong thư tín dụng có xác nhận.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

5/ Thanh toán thư tín dụng

- **Trường hợp thư tín dụng không cho phép đòi tiền bằng điện**
 - Sau khi xác nhận bộ chứng từ phù hợp, NH phát hành phải chuyển tiền cho NH được chỉ định. Nghiệp vụ hoàn tiền trong tín dụng chứng từ được điều tiết bởi văn bản URR do ICC ban hành. Nghiệp vụ hoàn tiền độc lập với tín dụng chứng từ. NH lập điện hoàn tiền để chuyển tiền cho NH được chỉ định.
 - Đến hạn thanh toán, NH phát hành phải chuyển tiền cho NH được chỉ định và đòi tiền nhà nhập khẩu. Số tiền nhà nhập khẩu phải thanh toán là giá trị hối phiếu/ hoặc hóa đơn thương mại và các chi phí liên quan đến phát hành, thanh toán thư tín dụng. Số tiền chi trả có thể trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán hoặc tiền vay. Đổi lại, nhà nhập khẩu sẽ tiếp nhận bộ chứng từ và đi nhận hàng.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

6/ Từ chối thanh toán thư tín dụng

- **Nội dung thông báo phải ghi rõ:**
 - NH đang từ chối thanh toán hoặc thương lượng thanh toán;
 - Liệt kê tất cả lỗi của bộ chứng từ;
 - Và chỉ rõ: (1) NH đang giữ các chứng từ để chờ chỉ thị của người xuất trình hoặc (2) NH phát hành đang giữ chứng từ cho đến khi nào nhận được sự chấp thuận lỗi của người yêu cầu mở thư tín dụng hoặc nhận được chỉ thị khác từ người xuất trình trước khi người đề nghị mở thư tín dụng đồng ý chấp nhận bỏ qua các sai biệt, hoặc (3) NH đang chuyển trả lại chứng từ, hoặc (4) NH đang hành động theo chỉ thị đã nhận được trước đây từ người xuất trình.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

7/ Ký hậu vận đơn

Khái niệm: là thủ tục chuyển quyền sở hữu vận đơn từ người thụ hưởng này sang người thụ hưởng khác.

Điều kiện ký hậu vận đơn:

- Với L/C trả ngay, nhà nhập khẩu phải chấp nhận thanh toán 100% giá trị bộ chứng từ bằng cách chuyển tiền thanh toán hoặc hoàn tất thủ tục vay nợ với L/C trả ngay. Với L/C trả chậm, nhà nhập khẩu phải bổ sung tiền ký quỹ đủ 100% giá trị bộ chứng từ hoặc hoàn tất thủ tục chấp nhận nợ.
- Bộ chứng từ xuất trình phải hoàn toàn phù hợp với các điều khoản điều kiện của L/C. Trong trường hợp bộ chứng từ có lỗi, nhà nhập khẩu phải lập văn bản chấp nhận thanh toán bộ chứng từ có lỗi.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG NHẬP

8/ Bảo lãnh nhận hàng

- **Khái niệm:** là cam kết của NH đối với nhà vận chuyển là vận đơn sẽ đến sau hoặc sẽ không được xuất trình. Đây là nghiệp vụ tài trợ của NH phát hành dành cho nhà nhập khẩu trong phương thức tín dụng chứng từ.

Những vấn đề cần lưu ý

- + NH bảo lãnh nhận hàng phải là NH phát hành thư tín dụng
- + Để hạn chế rủi ro, NH bảo lãnh nhận hàng phải kiểm soát quyền nhận hàng được mô tả trong vận đơn
- + Người đề nghị mở thư tín dụng phải cam kết chấp nhận thanh toán bộ chứng từ vô điều kiện
- + Với L/C trả ngay, nhà nhập khẩu phải thanh toán 100% giá trị bộ chứng từ bằng cách chuyển tiền thanh toán hoặc hoàn tất thủ tục vay nợ với L/C trả ngay. Với L/C trả chậm, nhà nhập khẩu phải bổ sung tiền ký quỹ đủ 100% giá trị bộ chứng từ hoặc hoàn tất thủ tục chấp nhận nợ.



NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

NH Phát hành



NH TB / XN / ĐCĐ



Kiểm tra chứng từ



Lập thủ tục đòi tiền



Theo dõi thanh toán



Lưu hồ sơ

- . Kiểm tra và thông báo L/C cho khách
- . Nhận, kiểm tra chứng từ và thực hiện trách nhiệm được chỉ định (nếu đồng ý)

- . Lập phiếu gửi chứng từ
- . Lập thư / điện đòi tiền (nếu có)

- . Từ chối thanh toán bộ chứng từ
- . Đồng ý thanh toán bộ chứng từ

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

1/ Thông báo thư tín dụng

- Để gửi thư tín dụng đến người thụ hưởng, NH phát hành thường sử dụng NH thông báo. Thông báo thư tín dụng quy định trong Điều 9 UCP 600
- NH thông báo là đại lý của NH phát hành tại quốc gia của người thụ hưởng. Trách nhiệm của NH thông báo là xác thực tính chân thật của thư tín dụng
 - Nếu xác thực được tính chân thật, NH thông báo sẽ gửi thư tín dụng gốc kèm văn bản thông báo thư tín dụng trực tiếp đến người thụ hưởng hoặc gửi đến NH khác (NH thông báo thứ hai) nhờ thông báo thư tín dụng cho người thụ hưởng.
 - Nếu không xác thực được tính chân thật của thư tín dụng, NH thông báo phải yêu cầu NH phát hành gửi thông tin để xác thực

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

2/ Thương lượng thư tín dụng

Với thư tín dụng không hủy ngang có thể thương lượng, ngân hàng phát hành chỉ định ngân hàng thương lượng bộ chứng từ. Ngân hàng phát hành có thể chỉ định đích danh hoặc chỉ định vô danh.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

2/ Thương lượng thư tín dụng

- **Bao gồm các nghiệp vụ:**
 - Tư vấn khách hàng hoàn chỉnh bộ chứng từ
 - Kiểm tra bộ chứng từ
 - Chiết khấu bộ chứng từ: Chiết khấu có truy đòi và Chiết khấu miễn truy đòi
 - Chuyển bộ chứng từ đòi tiền ngân hàng phát hành
 - Nếu bộ chứng từ có lỗi, NH thương lượng cũng gửi bộ chứng từ nhờ NH thu hộ tiền
 - Nếu NH thương lượng kiểm tra và xác nhận chứng từ hoàn hảo nhưng sau đó bị NH phát hành từ chối thanh toán, NH thương lượng sẽ thay mặt người thụ hưởng tranh luận về tính phù hợp của bộ chứng từ với NH phát hành.
 - Trong trường hợp thư tín dụng cho phép giao hàng từng phần và cho phép thương lượng ở bất kỳ ngân hàng nào, thì mỗi lần thương lượng bộ chứng từ, ngân hàng thương lượng cần ghi rõ giá trị bộ chứng từ đã thương lượng lên thư tín dụng gốc nhằm tránh trường hợp người thụ hưởng xuất trình chứng từ có giá trị lớn hơn giá trị thư tín dụng gây rủi ro cho các bên liên quan trong quá trình thanh toán bộ chứng từ.

NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

3/Thanh toán/ Chấp nhận thư tín dụng

Thanh toán/chấp nhận thư tín dụng là việc chi trả /hoặc chấp nhận hối phiếu đòi tiền ngân hàng phát hành của người thụ hưởng.

TÍN DỤNG CHỨNG TỪ HÀNG XUẤT

4/ Xác nhận thư tín dụng

- **Khái niệm:** là việc cam kết thanh toán cho người thụ hưởng nếu họ xuất trình bộ chứng từ hoàn hảo. Như vậy, nghĩa vụ của NH xác nhận tương tự với nghĩa vụ của NH phát hành. Trách nhiệm của NH xác nhận được quy định trong Điều 8, UCP 600.
- **Những vấn đề cần lưu ý:** Thư tín dụng xác nhận yêu cầu thủ tục phức tạp và phát sinh nhiều chi phí, do vậy, nó thường áp dụng trong các trường hợp sau:
 - Rủi ro quốc gia của NH phát hành cao;
 - Năng lực tài chính và uy tín của NH phát hành thấp;
 - Người thụ hưởng thiếu thông tin về NH phát hành;
 - Người thụ hưởng có lợi thế trong kinh doanh, hoặc họ đang thực hiện một hợp đồng quan trọng mà họ muốn giảm rủi ro thanh toán.

Giới thiệu các mẫu điện trong tín dụng chứng từ

STT	Mẫu điện	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1	MT 700 MT 701	Issue of Documentary Credit	Phát hành TTD
2	MT 707 MT 799	Amendment to a documentary Credit	Tu chỉnh TTD
3	MT 720 MT 721	Transfer of a Documentary Credit	TTD được chuyển nhượng
4	MT 730	Acknowledgement	Thông báo TTD
5	MT 734	Advice of Refusal	Thông báo từ chối thanh toán
6	MT 740	Authorisation to Reimburse	Ủy quyền hoàn tiền
7	MT 742	Reimbursement Claim	Yêu cầu hoàn tiền
8	MT 747	Amendment to an Authorisation to Reimburse	Tu chỉnh điện ủy quyền hoàn tiền
9	MT 750	Advice of Discrepancy	Thông báo bộ chứng từ không phù hợp
10	MT 756	Advice of Reimbursement Payment	Thông báo hoàn tiền hoặc thanh toán

CÁC LOẠI THƯ TÍN DỤNG ĐẶC BIỆT

- Thư tín dụng chuyển nhượng (*Transferable letter of Credit*)
- Thư tín dụng giáp lưng (*Back to back letter of Credit*)
- Thư tín dụng tuần hoàn (*Revolving letter of Credit*)
- Thư tín dụng dự phòng (*Standby letter of Credit*)
- Thư tín dụng điều khoản đỏ (*Red Clause Letter of Credit*)
- Thư tín dụng đối ứng (*Reciprocal letter of Credit*)

L/C CHUYỂN NHƯỢNG (TRANSFERABLE L/C)

- Là loại L/C không hủy ngang trong đó ngân hàng phát hành cho phép người thụ hưởng (thứ nhất) chuyển nhượng một phần hay toàn bộ giá trị L/C cho một hoặc nhiều người thụ hưởng thứ hai.
- Để được xem là L/C chuyển nhượng, trường 40A của L/C nhất thiết phải thể hiện cụm từ “*Transferable*”.
- Thuật ngữ “chuyển nhượng” có nghĩa là chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ thực hiện L/C của người thụ hưởng thứ nhất (chứ không phải là chuyển nhượng số tiền thu được từ L/C cho người khác).
- L/C chỉ được chuyển nhượng **một lần** cho một hoặc nhiều người thụ hưởng thứ hai.
- UCP 600 dành riêng điều 38 quy định về L/C chuyển nhượng vì đây là loại L/C thực hiện rất phức tạp.

L/C CHUYỂN NHƯỢNG (TRANSFERABLE L/C)

L/C chuyển nhượng được sử dụng khi:

- Người thụ hưởng thứ nhất là **nhà xuất khẩu** nhưng không có đủ hàng cung cấp cho nhà nhập khẩu.
- Người thụ hưởng thứ nhất là **đại lý tiêu thụ** hay **nhà bao tiêu sản phẩm** cho người sản xuất hàng hóa.
- Người thụ hưởng thứ nhất là **nhà môi giới (nhà trung gian)** làm nhiệm vụ trung gian nối kết nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu thông qua giao dịch L/C chuyển nhượng để ăn chênh lệch giá hoặc hưởng hoa hồng môi giới.

L/C CHUYỂN NHƯỢNG (TRANSFERABLE L/C)

Điều kiện để thực hiện được L/C chuyển nhượng:

- Các bên tham gia phải đồng ý thực hiện L/C chuyển nhượng:
 - + Ngân hàng phát hành đồng ý phát hành L/C chuyển nhượng và thể hiện rõ từ “transferable” trên L/C.
 - + Nhà nhập khẩu (Người yêu cầu) chấp nhận mở L/C chuyển nhượng, đồng ý cho nhà cung cấp khác tham gia bán hàng cho mình.
 - + Nhà cung cấp hàng (Người thụ hưởng thứ hai) chấp nhận L/C được chuyển nhượng, đồng ý giao hàng trực tiếp cho nhà nhập khẩu quy định trong bản chuyển nhượng L/C.
- Hợp đồng mua bán giữa nhà cung cấp hàng hay nhà xuất khẩu (người thụ hưởng thứ hai) với nhà trung gian (người thụ hưởng thứ nhất) và hợp đồng mua bán giữa nhà trung gian (người thụ hưởng thứ nhất) với nhà nhập khẩu phải tương thích nhau về đặc điểm hàng hóa và các điều kiện khác.

L/C CHUYỂN NHƯỢNG (TRANSFERABLE L/C)

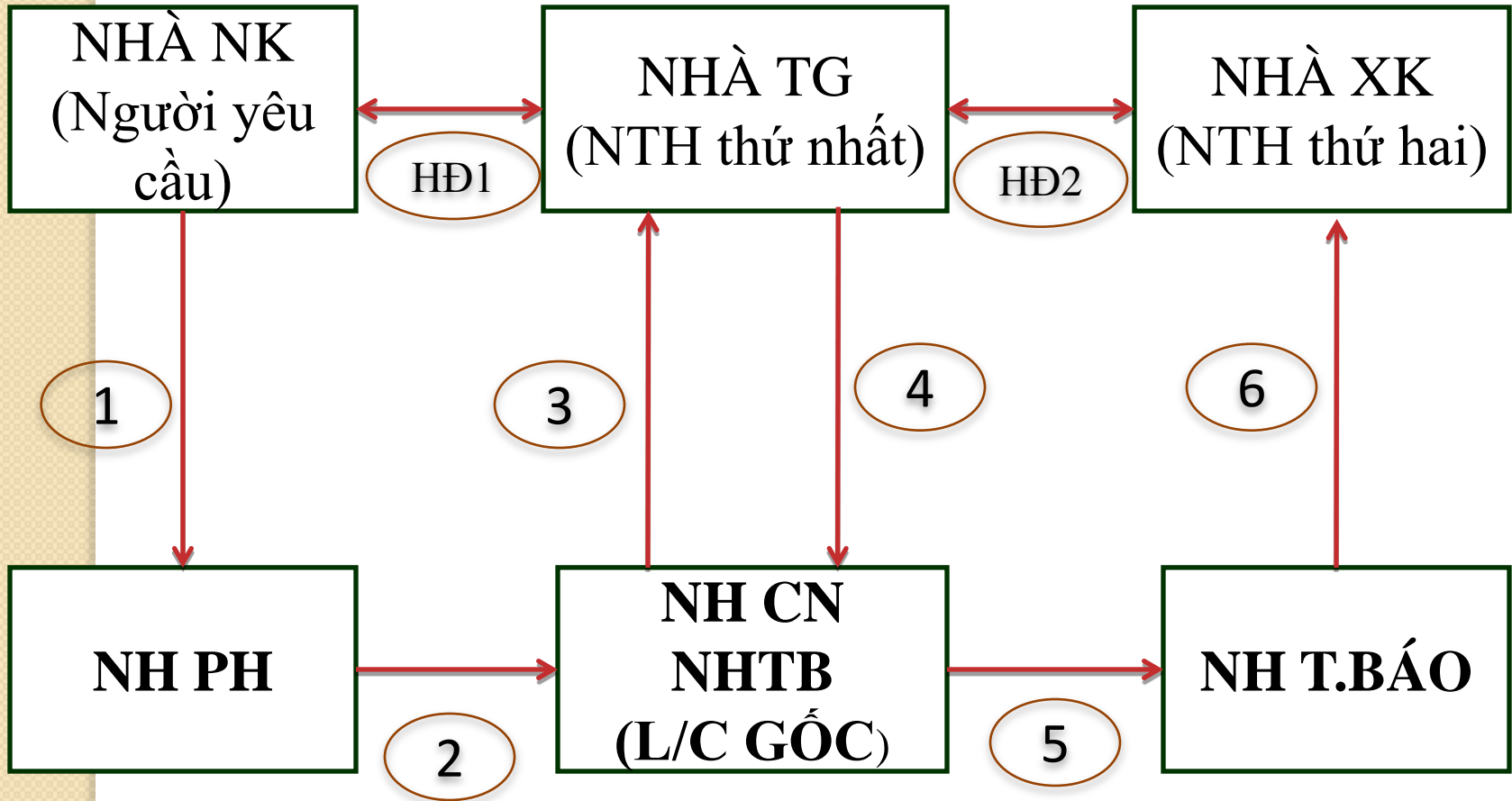
Các bên tham gia giao dịch L/C chuyển nhượng:

- **Người yêu cầu (Applicant):** là *nhà nhập khẩu*, lập đơn đề nghị mở L/C chuyển nhượng.
- **Người thụ hưởng 1 (First Beneficiary):** là *nhà trung gian*.
- **Người thụ hưởng 2 (Second Beneficiary):** là *nhà cung cấp hàng hóa*, có thể có một hoặc nhiều người thụ hưởng thứ hai.
- **Ngân hàng phát hành (Issuing Bank)** L/C chuyển nhượng.
- **Ngân hàng chuyển nhượng (Transferring Bank):** là *ngân hàng được chỉ định* thông báo L/C chuyển nhượng cho người thụ hưởng 1 và chuyển nhượng L/C này cho người thụ hưởng 2 theo yêu cầu của người thụ hưởng 1. Ngân hàng này cũng được chỉ định thương lượng bộ chứng từ.
- **Ngân hàng thông báo (Advising Bank):** là ngân hàng thông báo bản chuyển nhượng L/C cho người thụ hưởng 2, thường là ngân hàng phục vụ người thụ hưởng 2.

L/C CHUYỂN NHƯỢNG (TRANSFERABLE L/C)

Quy trình thực hiện L/C chuyển nhượng

Mở L/C chuyển nhượng



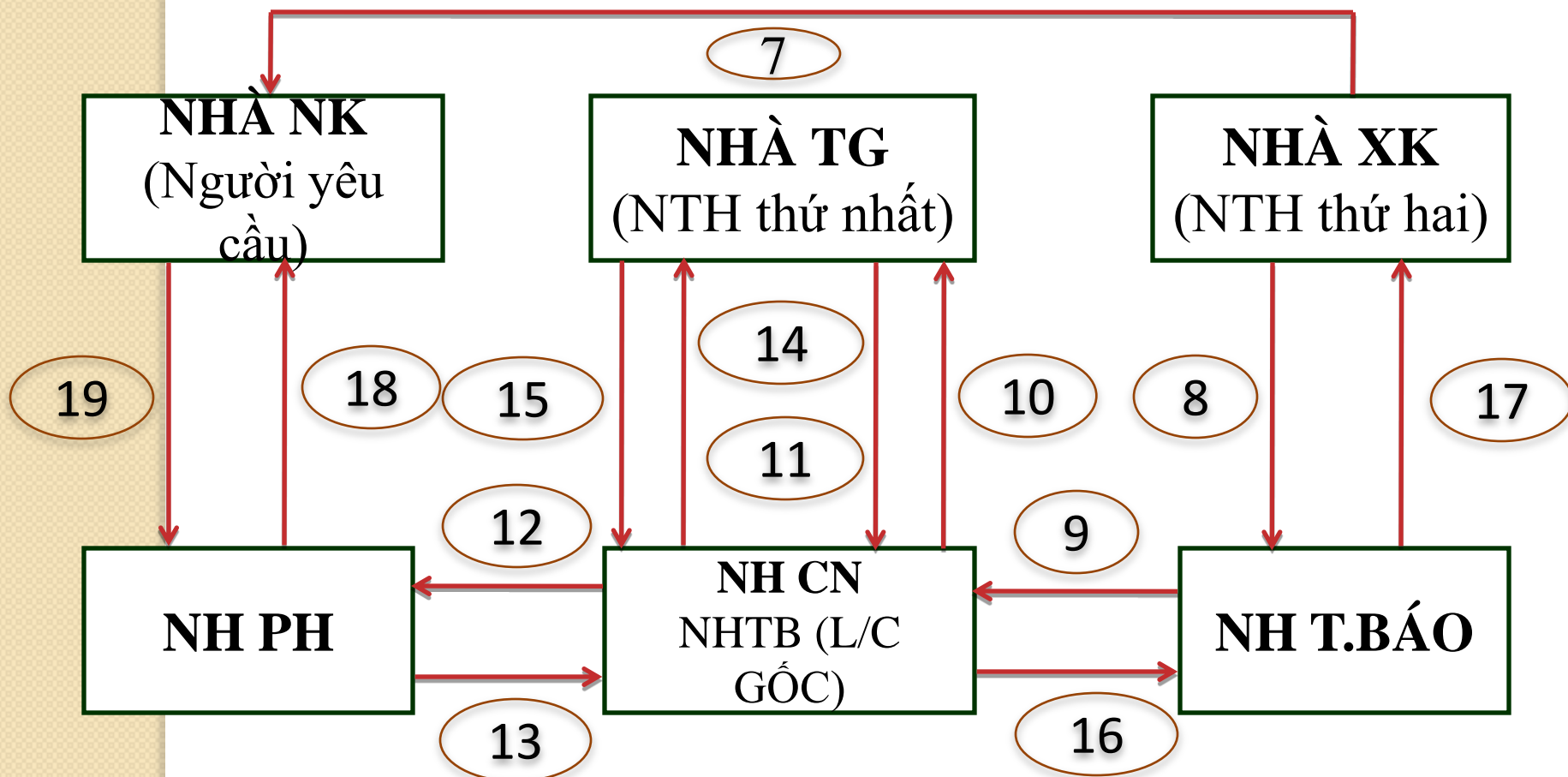
Transferable L/C

Transferred L/C

L/C CHUYỂN NHƯỢNG (TRANSFERABLE L/C)

Quy trình thực hiện L/C chuyển nhượng

Xuất trình chứng từ và thanh toán L/C chuyển nhượng:



L/C CHUYỂN NHƯỢNG (TRANSFERABLE L/C)

Các lưu ý về tu chính L/C chuyển nhượng

- Nếu nội dung tu chính L/C chuyển nhượng (L/C gốc) chỉ liên quan đến nhà trung gian (người thụ hưởng thứ nhất) thì nhà trung gian có thể không cần thông báo cho nhà cung cấp hàng (người thụ hưởng thứ hai). Khi đó, nhà trung gian cần phải yêu cầu ngân hàng chuyển nhượng ghi rõ điều này trong bản chuyển nhượng L/C.
- Nếu nội dung tu chính L/C chuyển nhượng (L/C gốc) có liên quan đến nhà cung cấp (người thụ hưởng thứ hai) thì nhất thiết phải thông báo cho nhà cung cấp biết thông qua việc tu chính tương ứng cho bản chuyển nhượng L/C và chỉ khi nào nhà cung cấp đồng ý thì tu chính mới có giá trị thực hiện.
- Nếu L/C được chuyển nhượng cho nhiều người thụ hưởng thứ hai thì khi tu chính L/C, việc từ chối bản tu chính của một hoặc vài người thụ hưởng thứ hai không ảnh hưởng đến việc chấp nhận tu chính của những người thụ hưởng thứ hai khác.

L/C GIÁP LƯNG (BACK TO BACK L/C)

- Là loại L/C không hủy ngang được mở dựa vào một L/C khác làm đảm bảo cho nó.
- L/C được mở trước, đem đi thế chấp, làm đảm bảo được gọi là “*L/C chủ / L/C gốc*” (“*Master L/C*” / “*Backing L/C*”).
- L/C được mở sau dựa trên sự đảm bảo của L/C chủ được gọi là “*L/C giáp lưng*” (“*Back to Back L/C*”).
- Mặc dù có tên gọi như trên nhưng hai L/C này không ghi tiêu đề như thế. Cả hai L/C đều giống như các L/C không hủy ngang khác. Cả hai L/C hoàn toàn độc lập với nhau.
- Tên gọi “*giáp lưng*” được hiểu trên tổng thể của một giao dịch thương mại sử dụng hai L/C riêng biệt, một L/C được mở dựa vào L/C đã mở trước đó làm đảm bảo.

L/C GIÁP LƯNG (BACK TO BACK L/C)

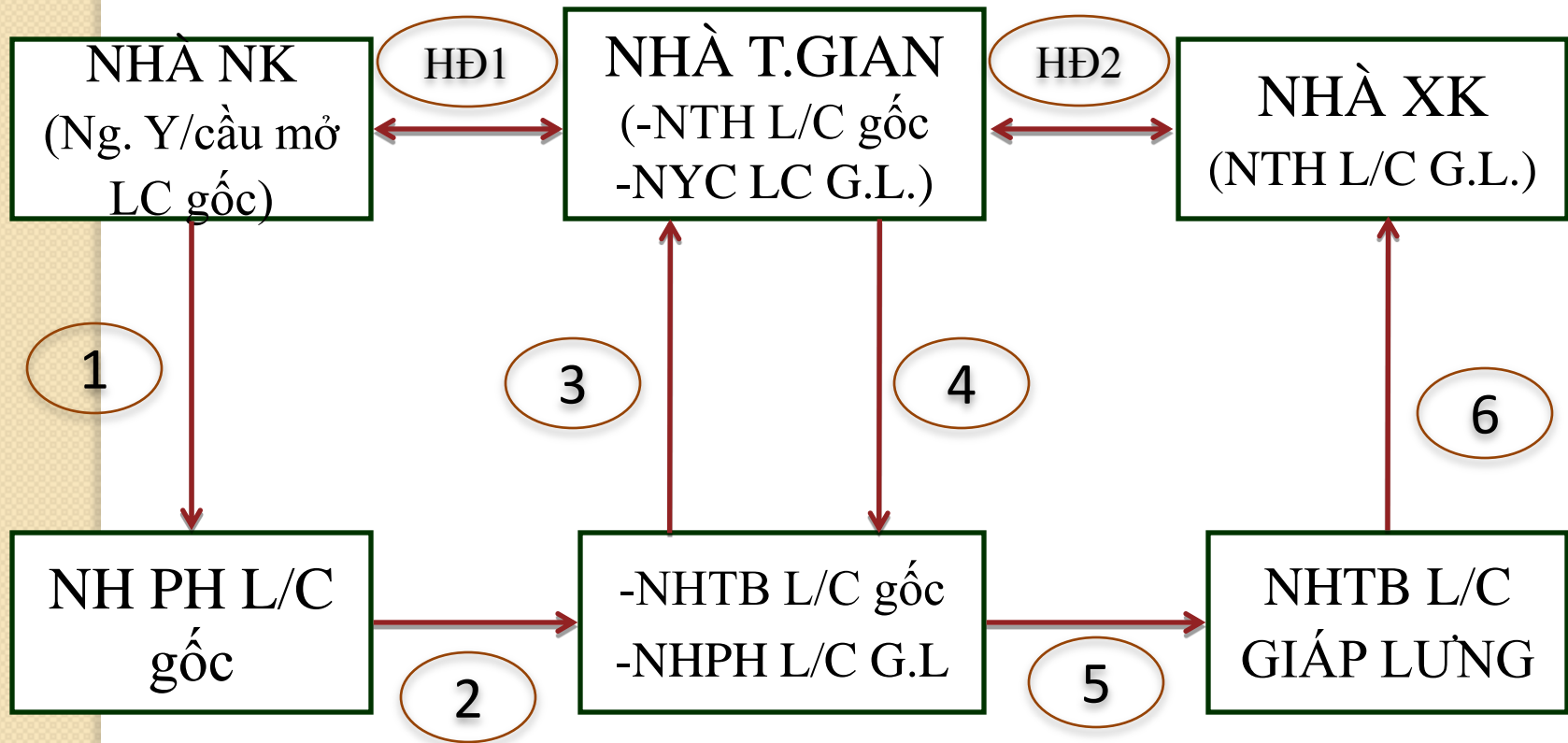
L/C giáp lưng được sử dụng khi: mua bán hàng hóa qua trung gian như L/C chuyển nhượng nhưng :

- L/C gốc (L/C chủ) thuộc loại không thể chuyển nhượng do nhà nhập khẩu không đồng ý.
- Nhà xuất khẩu không đồng ý sử dụng L/C chuyển nhượng vì sợ rủi ro trong thanh toán do không biết nhà nhập khẩu là ai.
- Khi các điều khoản của hai hợp đồng ký giữa nhà trung gian với nhà nhập khẩu và với nhà xuất khẩu là khác nhau.
- Khi nhà trung gian muốn giấu thông tin của nhà nhập khẩu đối với nhà xuất khẩu và ngược lại.

L/C GIÁP LƯNG (BACK TO BACK L/C)

Quy trình thực hiện L/C giáp lưng

Mở L/C giáp lưng



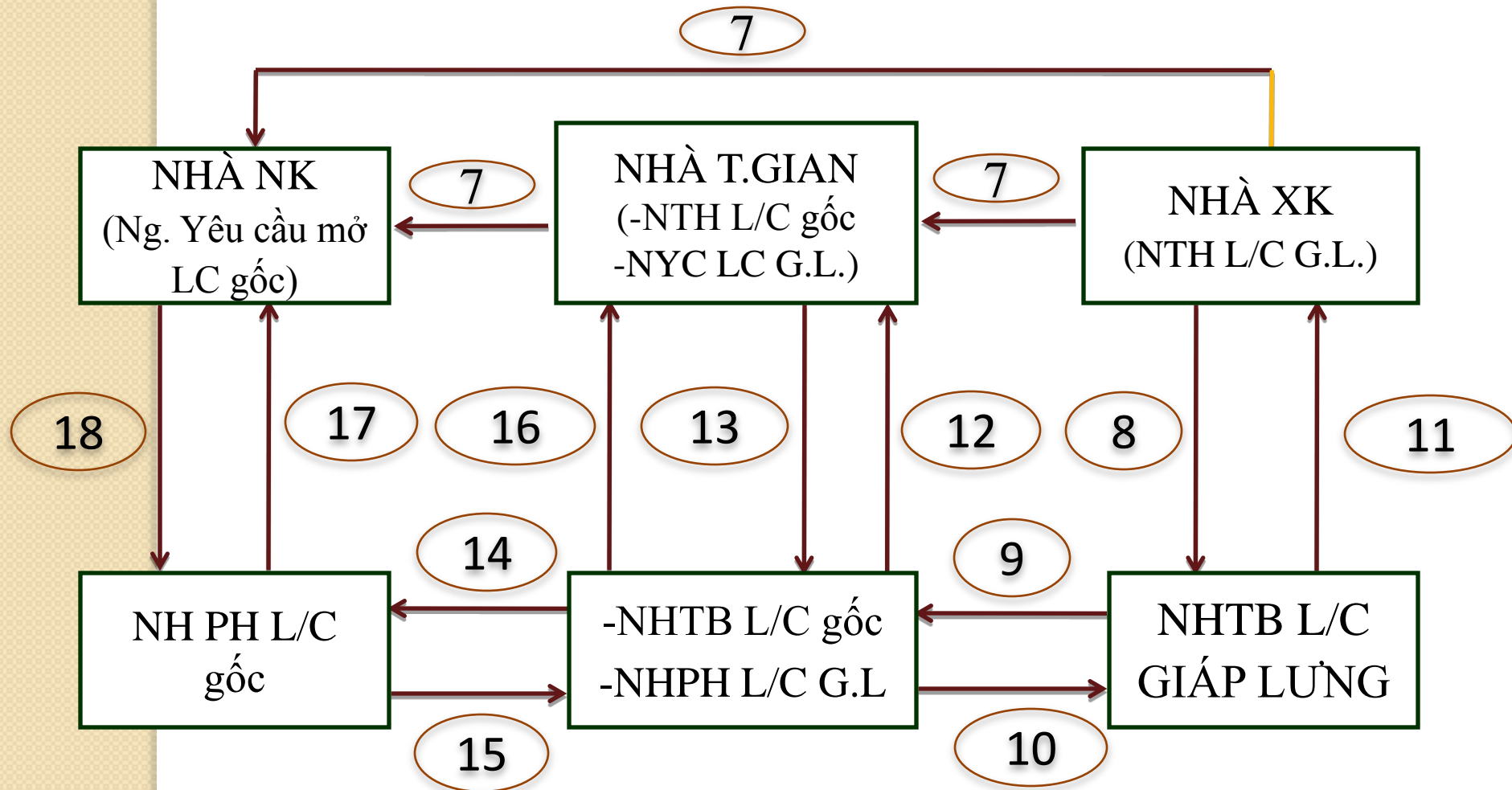
Master L/C

Back to back L/C

L/C GIÁP LỪNG (BACK TO BACK L/C)

Quy trình thực hiện L/C giáp lưng

Xuất trình chứng từ và thanh toán L/C giáp lưng



L/C TUẦN HOÀN (REVOLVING L/C)

- Là loại L/C không hủy ngang mà sau khi đã sử dụng hết giá trị hoặc hết thời hạn sử dụng thì ngân hàng phát hành cho phép phục hồi lại giá trị như cũ và được sử dụng tiếp tục một cách tuần hoàn trong một thời hạn nhất định mà không cần phải tu chỉnh L/C.
- Nội dung tuần hoàn được thể hiện trong trường 47A “Các điều kiện khác” của L/C: *“L/C này được tuần hoàn... lần, tổng số tiền thanh toán là...”*
- Được sử dụng khi nhà nhập khẩu:
 - + Có năng lực tài chính vững vàng và có uy tín với ngân hàng phát hành
 - + Ký hợp đồng mua hàng thường xuyên, định kỳ, số lượng lớn với thời gian hợp đồng dài.

L/C TUẦN HOÀN (REVOLVING L/C)

- L/C tuần hoàn cần thể hiện số tiền tối đa hoặc ngày hết hiệu lực cuối cùng. Đồng thời ghi rõ có được phép cộng dồn số dư của kỳ thanh toán trước vào giá trị L/C kỳ sau không, nếu cho phép thì gọi là *L/C tuần hoàn tích lũy (cumulative revolving L/C)*, nếu không thì gọi là *L/C tuần hoàn không tích lũy (non-cumulative revolving L/C)*.

- Có 3 cách tuần hoàn :

+ **Tuần hoàn tự động (Automatically Revolving)**: L/C tự động có giá trị như cũ mà không cần sự thông báo của NHPH.

+ **Tuần hoàn không tự động / Tuần hoàn hạn chế (Not Automatically Revolving)**: L/C chỉ có giá trị trở lại khi nào NHPH thông báo cho nhà xuất khẩu.

+ **Tuần hoàn bán tự động (Semi Automatically Revolving)** : sau một khoảng thời gian quy định, nếu NHPH không có ý kiến / thông báo gì thì L/C tự động có giá trị trở lại.

L/C ĐỐI ỨNG (RECIPROCAL L/C)

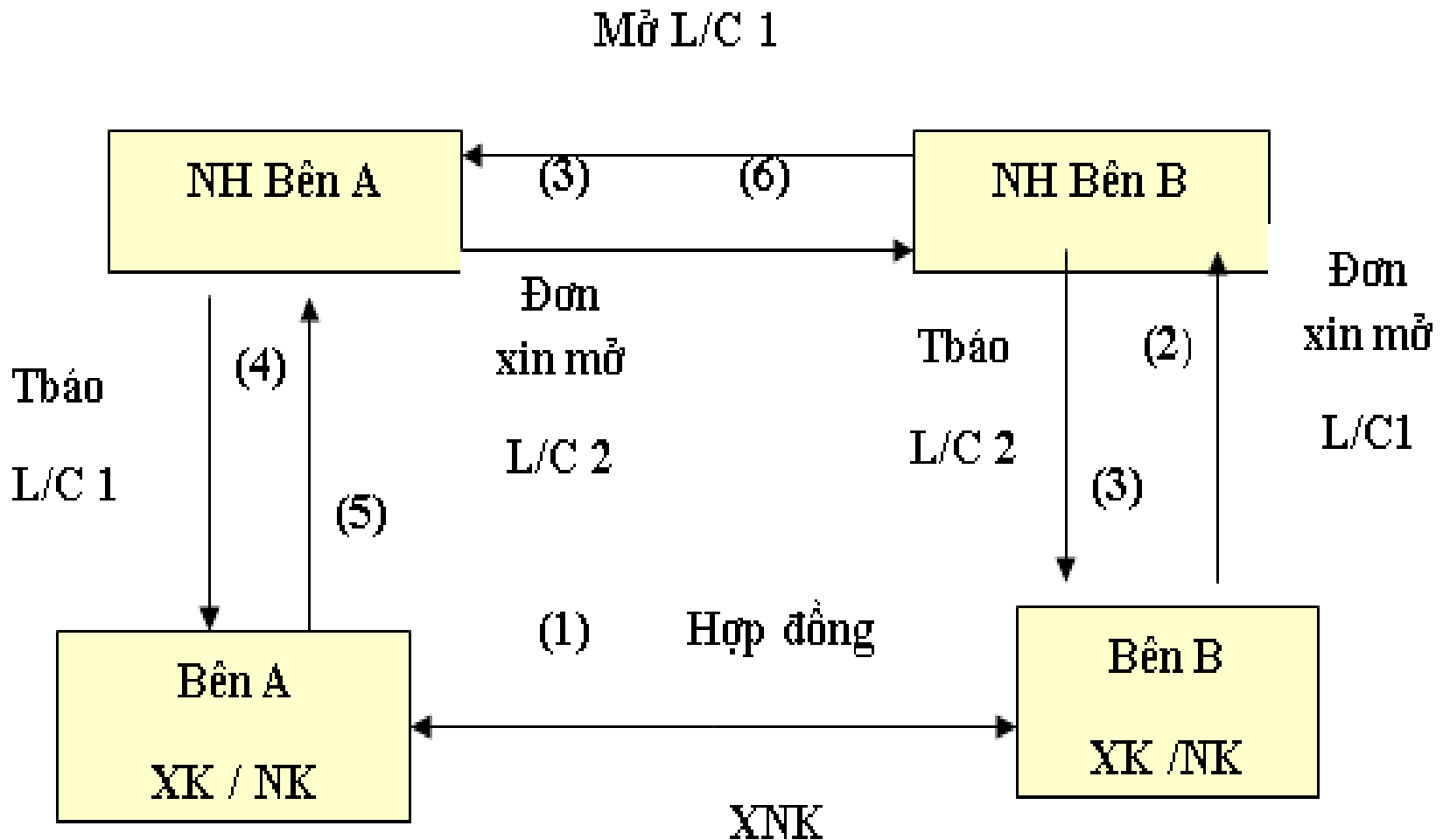
- Là loại L/C không hủy ngang chỉ có hiệu lực khi người thụ hưởng của L/C này đề nghị mở một L/C khác cho người yêu cầu mở L/C này hưởng (Người mở L/C này là người thụ hưởng L/C kia và ngược lại).
- Nội dung đối ứng là điều khoản đặc biệt được thể hiện trong trường 47A “Các điều kiện khác” của L/C.
- L/C đối ứng vi phạm tính chất độc lập của L/C vì điều khoản đối ứng làm các L/C phụ thuộc nhau.
- Trong L/C đầu phải ghi “L/C này chỉ có giá trị khi người hưởng lợi đã mở lại một L/C tương ứng với nó. Và L/C sau phải ghi câu “L/C này đối ứng với L/C số”.

- Được sử dụng khi:

- + Hai bên vừa là người mua vừa là người bán của nhau (mua bán hàng đổi hàng)
- + Hợp đồng gia công hàng hóa : công ty A cung cấp nguyên phụ liệu cho công ty B và công ty B bán thành phẩm lại cho công ty A.

L/C ĐỐI ỨNG (RECIPROCAL L/C)

Quy trình thực hiện L/C đối ứng



L/C DỰ PHÒNG (STANDBY L/C)

Là loại L/C không hủy ngang trong đó ngân hàng phát hành cam kết với người thụ hưởng: .

- Trả một khoản tiền mà người đề nghị mở L/C dự phòng đã vay hoặc đã ứng trước.
- Thanh toán một khoản nợ của người đề nghị mở L/C dự phòng.
- Bồi thường thiệt hại do người đề nghị mở L/C dự phòng không hoàn thành nghĩa vụ.

L/C dự phòng được xem là công cụ đảm bảo phải thực hiện hợp đồng của nhà xuất khẩu do nó được mở là nhằm cam kết bồi thường thiệt hại cho nhà nhập khẩu khi nhà xuất khẩu không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng.

L/C DỰ PHÒNG (STANDBY L/C)

Các bên tham gia trong L/C dự phòng thường có vai trò ngược lại so với L/C thương mại, cụ thể: .

- *Người yêu cầu (Applicant)*: là nhà xuất khẩu.
- *Người thụ hưởng (Beneficiary)*: là nhà nhập khẩu.
- *Ngân hàng phát hành (Issuing Bank)*: là ngân hàng phục vụ nhà xuất khẩu cam kết thanh toán cho nhà nhập khẩu nếu nhà nhập khẩu xuất trình chứng từ phù hợp với yêu cầu của L/C dự phòng.
- *Bộ chứng từ xuất trình*: nhằm xác nhận tình trạng không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng của nhà xuất khẩu, chẳng hạn gồm có : hối phiếu, giấy chứng nhận hàng hóa bị lỗi, chứng nhận hàng hóa không được giao...

L/C ĐIỀU KHOẢN ĐỎ (RED CLAUSE L/C)

- Là loại L/C không hủy ngang chứa một điều khoản đặc biệt là ngân hàng phát hành cho phép ngân hàng được chỉ định ứng trước một số tiền cho người thụ hưởng trước khi người này xuất trình chứng từ. .
- “Điều khoản đỏ” (Red Clause) còn được gọi là “Điều khoản ứng trước” (Advance Clause) hay “Điều khoản đặc biệt” (Special Clause).
- Để được ứng trước một phần tiền, nhà xuất khẩu phải thỏa thuận với nhà nhập khẩu trong hợp đồng ngoại thương và khi L/C được mở, nhà xuất khẩu đến ngân hàng được chỉ định làm giấy đề nghị ứng trước và làm cam kết giao hàng.
- Ngân hàng phát hành L/C điều khoản đỏ thường yêu cầu nhà nhập khẩu ký quỹ phần ứng trước. Vì vậy, phần ứng trước trong L/C điều khoản đỏ là khoản tín dụng thương mại của nhà nhập khẩu dành cho nhà xuất khẩu.

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

- **Đối với nhà xuất khẩu**
- **Đối với nhà nhập khẩu**
- **Đối với ngân hàng**

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ Đối với nhà xuất khẩu

Thuận lợi:

- Hạn chế bớt rủi ro thanh toán: có được cam kết thanh toán của ngân hàng phát hành L/C do cam kết này được thực hiện chỉ trên cơ sở chứng từ và không liên quan gì đến hàng hóa. Đây thực sự là một thuận lợi lớn đối với nhà xuất khẩu.
- Giúp nhà xuất khẩu tiếp cận và sử dụng được nhiều dịch vụ liên quan đến thanh toán rất tiện ích và đa dạng của nhiều ngân hàng thương mại khác như dịch vụ thông báo L/C; xác nhận L/C; thanh toán, chấp nhận, thương lượng bộ chứng từ; dịch vụ tư vấn như tư vấn nội dung L/C, tư vấn hoàn thiện bộ chứng từ...

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Đối với nhà xuất khẩu

Bất lợi:.

- Nhà nhập khẩu không mở L/C dù hợp đồng thể hiện thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ.
- Nhà xuất khẩu nhận L/C giả và bị lừa đảo.
- Nhà xuất khẩu không thực hiện được các yêu cầu của L/C.
- Bộ chứng từ mà nhà xuất khẩu lập và xuất trình bị bất hợp lệ nên bị từ chối thanh toán.
- Gặp rủi ro thanh toán từ phía ngân hàng phát hành.

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ Đối với nhà nhập khẩu

Thuận lợi:

- Nhận được *sự tài trợ của ngân hàng phát hành L/C* gồm :
 - + Tài trợ khi thay mặt nhà nhập khẩu cam kết thanh toán có điều kiện cho nhà xuất khẩu (cho nhà nhập khẩu vay “sự tín nhiệm” của ngân hàng phát hành).
 - + Tài trợ khi chấp nhận cho nhà nhập khẩu ký quỹ nhỏ hơn 100% giá trị L/C (phần còn lại ngân hàng phát hành bảo lãnh).
- Giúp nhà nhập khẩu dễ dàng sử dụng được nhiều dịch vụ tiện ích liên quan của ngân hàng phát hành như : dịch vụ bảo lãnh nhận hàng, được ưu tiên trong mua bán ngoại tệ ; dịch vụ tư vấn như tư vấn nội dung L/C, tư vấn bộ chứng từ phù hợp...

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ Đối với nhà nhập khẩu

Bất lợi:

- Nhà xuất khẩu không giao hàng hoặc giao hàng sai (dẫn đến bộ chứng từ bất hợp lệ) dù nhà nhập khẩu đã mở L/C. Tuy không mất tiền nhưng nhà nhập khẩu vẫn bị thiệt hại do mất phí mở L/C và lỗ kế hoạch kinh doanh.
- Hàng hóa nhà nhập khẩu nhận được không đúng như hợp đồng và L/C quy định dù bộ chứng từ xuất trình của nhà xuất khẩu là hoàn hảo. Nguyên nhân là nhà xuất khẩu cố tình lừa đảo hoặc do L/C yêu cầu bộ chứng từ quá sơ sài.

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Đối với ngân hàng

Thuận lợi:

- Tín dụng chứng từ là một dịch vụ ngân hàng hiện đại mang lại nguồn thu đáng kể cho ngân hàng.
- Thông qua phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, ngân hàng có nhiều cơ hội để phát triển các dịch vụ ngân hàng khác như : dịch vụ tư vấn, dịch vụ tài trợ thương mại, dịch vụ kinh doanh ngoại hối... Với nhiều dịch vụ phát triển sẽ góp phần thực hiện tốt chính sách khách hàng, từ đó nâng cao uy tín và thương hiệu của ngân hàng.
- Tín dụng chứng từ là phương thức thanh toán quốc tế với yêu cầu liên kết nhiều ngân hàng ngoài nước khi sử dụng. Do đó, nếu phương thức này phát triển sẽ giúp mở rộng hoạt động ngân hàng quốc tế.

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý TRONG PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ Đối với ngân hàng

Bất lợi:

- *Rủi ro thanh toán đến từ nhà nhập khẩu.* Đây là rủi ro lớn nhất của ngân hàng phát hành. Dù nhà nhập khẩu không còn khả năng thanh toán thì ngân hàng phát hành vẫn phải thanh toán cho nhà xuất khẩu.
- *Rủi ro tác nghiệp* phát sinh trong toàn bộ quá trình thực hiện tín dụng chứng từ gồm: soạn thảo, phát hành, thông báo, xác nhận L/C; kiểm tra chứng từ; thanh toán, chấp nhận, thương lượng bộ chứng từ; bồi hoàn tiền...